

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG VI NĂM 1997

Ở các tỉnh thuộc Bắc Bộ, thời tiết ít mưa và nắng nóng kéo dài vào 20 ngày đầu tháng nên mực nước các sông, hồ chứa ở mức thấp. Vào 10 ngày cuối tháng, nhiều nơi ở khu vực này đã có mưa vừa, mưa to; trên các sông đã có đợt lũ vừa chấm dứt đợt thiếu nước của các hồ chứa.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh

Trong tháng có 2 đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến các tỉnh thuộc Bắc Bộ và phía Bắc Trung Bộ vào các ngày 10 và 22. Đợt không khí lạnh ngày 10 có cường độ mạnh, nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 8 - 11°C; gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3, cấp 4, ngoài khơi cấp 6, cấp 7. Đợt không khí lạnh này kết thúc đợt nắng nóng kéo dài từ đầu tháng.

b) Nắng nóng

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ có một số ngày nắng nóng. Đặc biệt có đợt nắng nóng gay gắt nhất xảy ra ở Bắc Bộ và phía Bắc Trung Bộ từ ngày 3 và kết thúc do tác động của đợt không khí lạnh ngày 10. Nhiều nơi thuộc khu vực này, nhiệt độ cao nhất đạt tới 38 đến 40,5°C.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ cao hơn TBNN (trung bình nhiều năm), một số nơi cao hơn giá trị TBNN từ 1 đến 1,5°C.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Đà Lạt (Lâm Đồng): 13,4°C xảy ra ngày 13.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Việt Trì (Phú Thọ): 40,5°C xảy ra ngày 6.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có lượng mưa tháng thấp hơn TBNN.

Nơi có lượng mưa tháng lớn nhất là Lai Châu : 416mm (+7mm).

Nơi có lượng mưa ngày lớn nhất là Thanh Hoá : 180mm xảy ra ngày 18.

Nơi có lượng mưa tháng nhỏ nhất là Quảng Ngãi : 6mm (-84mm).

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi thuộc Nam Bộ, Nam Trung Bộ và phía Tây Bắc Bộ có số giờ nắng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Qui Nhơn (Bình Định) : 297 giờ (+65 giờ).

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Tiên Yên (Quảng Ninh) : 113 giờ.

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh Miền Bắc, thời tiết ít mưa rất thuận cho việc thu hoạch lúa chiêm xuân. Mười ngày cuối tháng, có một số ngày mưa vừa, mưa to thuận lợi cho việc làm đất và gieo trồng rau màu vụ hè thu.

Ở các tỉnh Miền Nam, tình hình ít mưa trong 20 ngày đầu tháng đã gây hạn cục bộ ở một số địa phương như Trà Vinh, Long An.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Những ngày đầu và giữa tháng, mực nước các sông còn ở mức thấp; cuối tháng trên các sông đã có đợt lũ vừa, chấm dứt đợt thiếu nước của các hồ chứa.

- Trên sông Thao tại trạm Yên Bái, mực nước cao nhất trong tháng: 28,89m (7h ngày 24).

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất trong tháng: 19,70m (19h ngày 30).

- Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình:

+Mực nước hồ những ngày đầu tháng xuống nhanh, từ 81,03m (7h ngày 1) xuống mức 75,70m (23h ngày 12) thấp hơn mức nước chết 4,3m. Sau đó, do có mưa lũ, mực nước hồ tăng lên. Ngày cuối tháng mực nước hồ lên mức: 87,28m (7h ngày 30).

* Lưu lượng đến hồ lớn nhất tháng: $6100^3/s$ (ngày 25). Lưu lượng nhỏ nhất trong tháng $250^3/s$ (ngày 11) đồng thời là lưu lượng nhỏ nhất trong năm 1997. Đây là trường hợp hiếm thấy trong chuỗi số liệu quan trắc. Lưu lượng trung bình tháng $1440^3/s$ nhỏ hơn TBNN 37% (cùng thời kỳ).

* Lưu lượng xả, trong 20 ngày đầu tháng xả ít, những ngày cuối tháng xả tăng, lưu lượng xả lớn nhất trong tháng là $1930^3/s$ (19h ngày 30).

- Trên sông Hồng tại trạm Hà Nội, mực nước cao nhất : 5,66m (7h ngày 29). Mực nước trung bình tháng 4,10m, thấp hơn TBNN - 1,99m. Mực nước thấp nhất trong tháng 3,08m (19h ngày 11) xếp thứ 9 trong liệt quan trắc từ năm 1902 đến nay.

- Trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại, mực nước chịu ảnh hưởng thủy triều; mực nước thấp nhất trong tháng : 0,58m (19h ngày 12); mực nước cao nhất trong tháng: 2,26m (1h ngày 27).

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông ở mức thấp, mực nước các trạm vùng cửa sông chịu ảnh hưởng thủy triều.

- Trên sông Mã tại Giàng, mực nước cao nhất trong tháng 2,56m (19h ngày 30).

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu đã nhích lên một ít.

- Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu, mực nước ngày đầu tháng : 0,97m (18h ngày 1), ngày cuối tháng lên mức 1,12m (18h ngày 30).

- Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước ngày đầu tháng : 0,91m (18h ngày 1), ngày cuối tháng lên mức 1,07m (18h ngày 30).

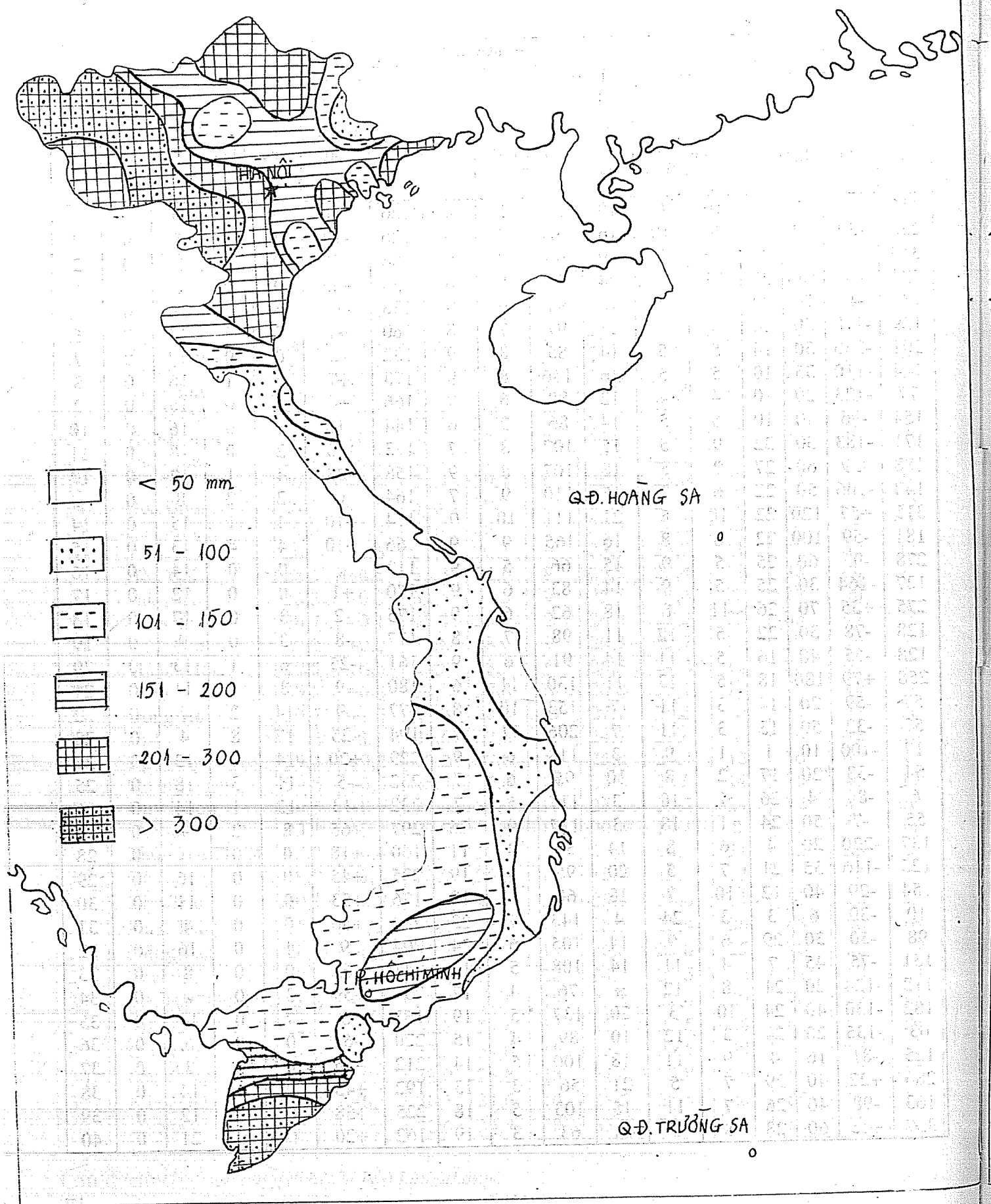
ĐẶC TRUNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	27,1	+0,6	32,1	37,5	7	24,1	22,3	15	87	52	2
2	Điện Biên	26,7	+0,8	32,0	36,0	6	23,5	21,5	2	81	43	6
3	Sơn La	25,8	+0,7	30,8	34,9	4	22,5	20,3	11	79	37	3
4	Sa Pa	20,2	+0,6	23,5	27,6	5	18,1	15,1	10	84	50	7
5	Lao Cai	28,8	+1,2	31,3	40,1	6	25,5	22,4	11	81	42	9
6	Yên Bái	29,0	+1,2	33,8	39,3	6	25,6	23,0	11	82	49	6
7	Hà Giang	28,1	+0,5	31,6	36,9	8	25,1	21,6	10	82	57	7
8	Tuyên Quang	29,1	+1,1	34,0	38,5	6	25,7	22,3	11	80	43	9
9	Lạng Sơn	26,9	0,0	31,7	35,2	8	24,0	20,4	10	83	48	9
10	Cao Bằng	27,1	+0,1	32,1	36,1	9	23,6	19,8	10	83	53	15
11	Thái Nguyên	28,9	+0,6	33,1	38,4	9	25,8	23,1	11	81	46	7
12	Bắc Giang	29,1	+0,4	33,7	38,3	9	26,1	23,5	11	80	43	9
13	Phủ Thọ	29,2	+0,9	32,4	39,7	6	25,9	23,0	22	82	39	6
14	Hòa Bình	29,7	+1,5	34,6	39,7	6	26,0	24,4	22	82	37	13
15	Hà Nội (Láng)	29,8	+1,0	34,4	38,9	8	26,8	24,2	13	76	39	9
16	Tiên Yên	28,1	+0,6	31,7	36,1	9	25,1	23,2	11	87	59	11
17	Hòn Gai	28,5	+0,5	33,3	34,6	8	26,2	23,4	11	83	40	6
18	Phù Liên	28,3	+0,3	32,3	36,5	9	25,5	21,4	22	85	50	9
19	Thái Bình	28,7	+0,1	32,7	36,0	2	26,0	22,3	22	83	47	3
20	Nam Định	29,2	+0,2	33,8	38,0	9	26,3	22,7	22	79	39	9
21	Thanh Hóa	29,5	+0,6	33,8	38,9	6	26,5	24,2	15	83	40	8
22	Vinh	30,0	+0,8	34,2	37,8	6	26,8	23,1	14	73	40	9
23	Đồng Hới	30,7	+1,0	35,0	38,6	13	27,7	24,1	16	75	38	10
24	Huế	29,2	-0,1	35,6	37,6	21	24,7	23,6	1	76	42	22
25	Đà Nẵng	29,4	+0,2	35,2	37,8	8	25,8	24,4	12	76	40	8
26	Quảng Ngãi	29,6	+0,6	35,7	37,6	10	25,6	24,0	14	75	45	19
27	Quy Nhơn	30,5	+0,9	35,4	37,9	19	27,3	25,7	24	72	45	20
28	Plây-cù	23,1	+0,1	27,7	31,0	11	20,4	19,1	8	90	59	11
29	Buôn Ma Thuột	25,2	+0,4	31,2	33,4	18	21,8	20,1	21	82	55	5
30	Đà Lạt	19,0	-0,4	23,9	26,2	11	15,9	13,4	13	87	48	11
31	Nha Trang	29,1	+0,7	33,4	36,5	30	25,8	24,8	11	75	52	22
32	Phan Thiết	27,7	0,0	32,0	36,3	19	25,3	23,4	26	83	48	16
33	Vũng Tàu	28,8	+0,8	31,5	34,2	19	26,8	23,8	25	76	52	13
34	Tây Ninh	28,2	+1,0	33,4	35,7	20	24,3	22,5	22	81	48	20
35	T.P. Hồ Chí Minh	28,8	+1,3	33,7	35,5	18	25,9	23,4	29	78	47	16
36	Tiền Giang	28,0	+0,6	32,8	34,8	14	25,1	22,5	24	81	51	16
37	Cần Thơ	27,6	+0,5	32,3	34,0	16	25,2	23,5	30	85	53	18
38	Sóc Trăng	27,5	+0,2	32,0	33,8	18	24,4	22,8	26	86	50	15
39	Rạch Giá	28,7	+0,5	30,5	31,6	16	26,5	23,5	28	85	73	13
40	Cà Mau	28,1	+0,8	32,6	34,4	20	25,0	23,0	28	84	52	14

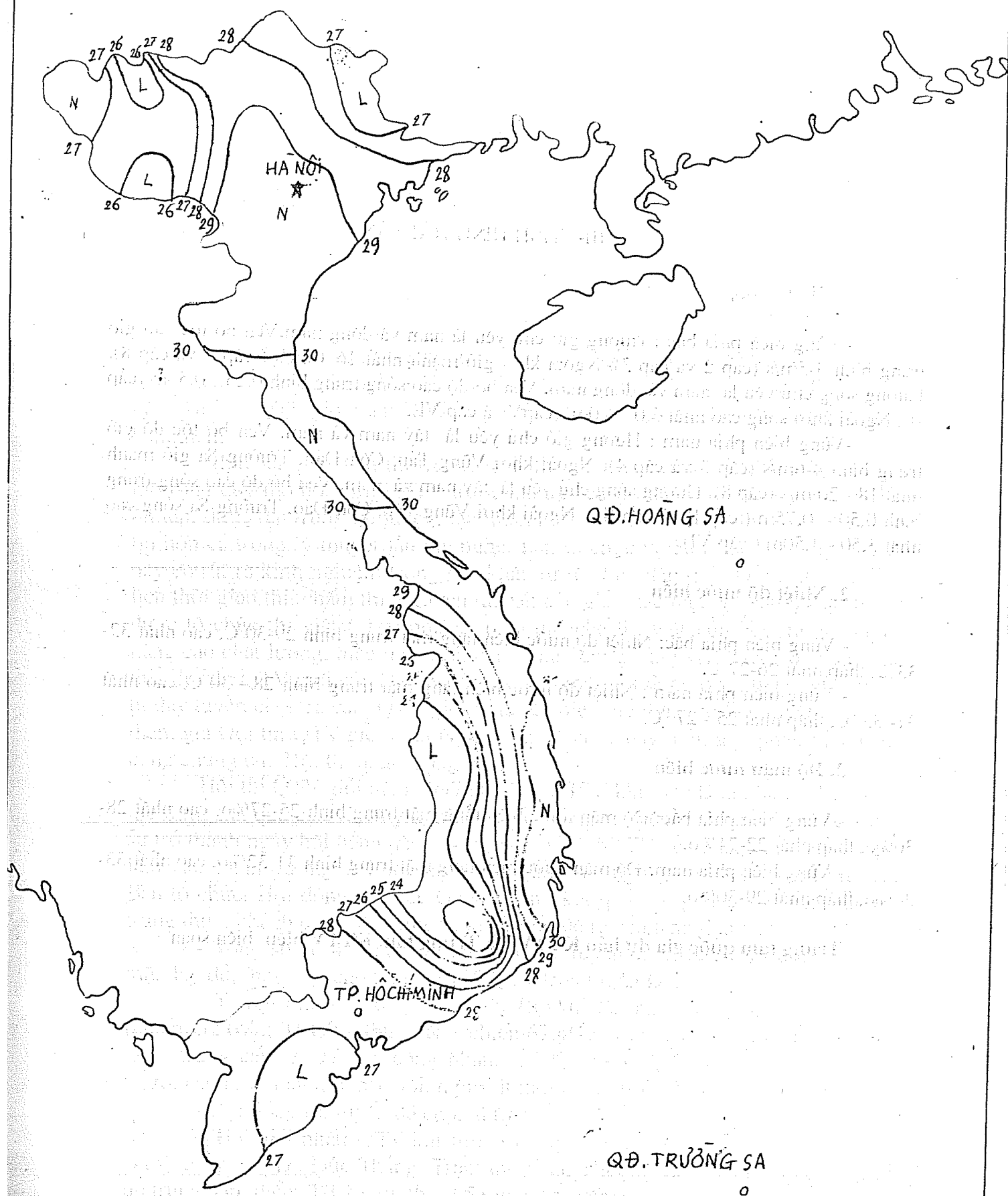
Chú thích: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

CỦA CÁC TRẠM THẮNG VI NAM-1997

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY					Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Giờ tây khô nóng		Đông	Mưa phùn		
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhẹ	Mạnh				
416	-7	80	24	10	6	18	62	5	4	126	+4	9	0	9	0	1	
236	-39	100	15	9	10	16	101	7	6	126	-19	4	0	8	0	2	
310	+56	53	25	10	7	19	96	9	6	166	+17	0	0	14	0	3	
329	-64	100	22	23	6	24	83	8	6	135	+43	0	0	6	3	4	
189	-47	70	22	7	4	18	91	6	9	138	-11	6	2	4	0	5	
129	-178	50	14	3	9	11	97	7	8	160	+7	3	1	13	0	6	
201	-236	50	14	5	5	14	85	8	9	132	-2	0	0	17	0	7	
144	-110	35	10	5	5	16	116	8	9	173	+7	5	1	16	0	8	
77	-123	20	10	4	4	12	88	6	9	166	+4	2	0	15	0	9	
154	-96	40	10	6	5	14	86	2	6	144	-18	1	0	16	0	10	
171	-183	30	22	9	5	15	107	8	7	153	-15	2	0	18	0	11	
188	-39	60	27	7	5	18	107	8	9	158	-23	4	1	12	0	12	
142	-106	50	22	6	7	15	110	9	7	164	0	2	2	8	0	13	
315	+57	120	22	10	5	21	111	10	9	174	+10	4	1	15	0	14	
181	-59	100	22	6	8	16	165	9	9	166	+10	4	4	13	0	15	
278	-92	60	25	5	9	15	66	5	9	113	*	0	0	14	0	16	
127	-164	30	25	5	9	14	83	6	9	170	+1	0	0	12	0	17	
275	+35	70	26	11	8	18	62	6	9	175	-2	3	0	17	0	18	
128	-78	30	22	5	12	11	98	7	8	177	-8	3	0	9	0	19	
128	-65	40	16	5	11	14	91	6	9	161	-25	6	1	13	0	20	
258	+79	180	18	5	13	11	130	11	6	180	-9	8	7	11	0	21	
57	-59	20	14	3	11	7	153	10	8	177	-9	14	2	7	0	22	
52	-32	50	13	3	11	7	206	11	7	194	-25	17	8	4	0	23	
17	-100	10	1	1	9	3	118	6	9	229	+20	14	4	13	0	24	
54	-33	20	17	2	8	10	95	6	7	232	-5	11	3	18	0	25	
6	-84	4	26	1	10	3	117	5	7	232	-13	12	1	14	0	26	
55	-7	50	24	1	18	3	137	9	26	297	+65	8	2	9	0	27	
137	-220	20	4	6	8	14	57	4	11	160	+18	0	0	6	0	28	
125	-116	35	21	7	5	20	95	5	19	225	+45	0	0	16	0	29	
154	-29	40	12	10	7	18	60	4	19	176	+53	0	0	11	0	30	
10	-39	6	3	3	24	4	143	7	23	284	+56	0	0	4	0	31	
98	-50	30	29	6	9	14	105	6	24	204	-9	1	0	16	0	32	
131	-75	45	7	4	11	14	108	5	13	241	+62	0	0	8	0	33	
112	-124	20	21	8	12	*	76	4	17	231	+59	3	0	*	0	34	
182	-130	40	24	10	3	20	137	5	19	163	-8	7	0	14	0	35	
63	-135	20	24	3	12	10	89	4	15	220	+6	0	0	6	0	36	
125	-81	16	4	9	11	18	100	5	14	212	+35	0	0	8	0	37	
280	+22	40	29	7	5	21	56	3	13	192	+43	0	0	14	0	38	
163	-98	40	26	7	11	15	103	5	18	225	+58	0	0	12	0	39	
337	+15	60	28	8	3	21	63	3	19	162	+20	0	0	21	0	40	



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng VI năm 1997



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng VI năm 1997

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía bắc : Hướng gió chủ yếu là nam và đông nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 3-5m/s (cấp 2 và cấp 3). Ngoài khơi gió mạnh nhất 16-18m/s (cấp 7 và cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là nam và đông nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,25 - 0,50m (cấp II). Ngoài khơi sóng cao nhất 3,0 - 4,0m (cấp V và cấp VI).

- Vùng biển phía nam : Hướng gió chủ yếu là tây nam và nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-6m/s (cấp 3 và cấp 4). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 18 - 20 m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là tây nam và nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50 - 0,75m (cấp II và cấp III). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 3,50 - 4,50m (cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía bắc: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 29-30°C, cao nhất 32-33°C, thấp nhất 26-27°C.

- Vùng biển phía nam : Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 28 - 30°C, cao nhất 31- 33 °C, thấp nhất 25 - 27 °C.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 25-27‰, cao nhất 28-30‰, thấp nhất 22-24‰.

- Vùng biển phía nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 31-32‰, cao nhất 33-34‰, thấp nhất 29-30‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV và Trung tâm KTTV biển biên soạn